

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1375 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 13 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3727/QĐ-BKHHCN ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Quyết định số 395/QĐ-BKHHCN ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định theo Quyết định số 3727/QĐ-BKHHCN ngày 06/12/2018 và Quyết định số 395/QĐ-BKHHCN ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (Phụ lục 01 kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ 06 thủ tục hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng, hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bình Định đã công bố tại Quyết định số 3794/QĐ-UBND ngày 26/10/2016, Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (*Phụ lục 02 kèm theo*).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP KT;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, KSTT^(2b).



Phan Cao Thắng



Phụ lục 1

**DANH MỤC THỰC PHẨM CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG,
HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÌNH ĐỊNH**

(Ban hành theo Quyết định 1315/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 3727/QĐ-BKHHCN ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ					
Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng					
1	Thủ tục miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Trong ngày làm việc 05	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Không	- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						<p>Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.</p>

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<p>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 3727/QĐ-BKHCN ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ</p>					
<p>Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng</p>					
1	<p>Thủ tục chi định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận</p>	<p>- Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ; Cơ quan chi định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế; Cơ quan chi định ban hành quyết định chi định.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công chi: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 3727/QĐ-BKHCN ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ					
Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng					
2	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ: Cơ quan chỉ định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế: Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định. 	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành. - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ
3	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; theo kết quả chứng nhận, giám 	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn</p>	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 3727/QĐ-BKHCN ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ					
Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng					
		định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật - Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.			- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa. - Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 395/QĐ-BKHCN ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ						
Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ						
1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	- Trong 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp kết quả khoa học và công nghệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà	Không	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			<p>có liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực khác nhau có nội dung phức tạp cần mời chuyên gia hoặc thành lập hội đồng tư vấn thẩm định, đánh giá, thời hạn cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung, thành phố Quy Nhơn</p>		
2	<p>Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ</p>	<p>Thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp bỏ sung sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học và công nghệ, thời hạn cấp thay đổi nội dung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. 	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn</p>	<p>Không</p>	<p>Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.</p>
3	<p>Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ</p>					



Phụ lục 2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ THUỘC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Ban hành theo Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
Thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định bị bãi bỏ			
1	T-BDI-281472-TT	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ
2	T-BDI-281473-TT	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ
3	T-BDI-281474-TT	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ
Thủ tục hành chính đã công bố tại Quyết định số 3865/QĐ-UBND ngày 02/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định bị bãi bỏ			
4	BKHVCN-BDI-282561	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận	Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành.

STT	Mã số TTTC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
5	BKHVCN-BDI-282562	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định	Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ
6	BKHVCN-BDI-282565	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu	Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ